Link: https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#reparent

<activity android:[allowEmbedded](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#embedded)=["true" | "false"]  
          android:[allowTaskReparenting](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#reparent)=["true" | "false"]  
          android:[alwaysRetainTaskState](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#always)=["true" | "false"]  
          android:[autoRemoveFromRecents](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#autoremrecents)=["true" | "false"]  
          android:[banner](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#banner)="*drawable resource*"  
          android:[clearTaskOnLaunch](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#clear)=["true" | "false"]  
          android:[configChanges](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#config)=["mcc", "mnc", "locale",  
                                 "touchscreen", "keyboard", "keyboardHidden",  
                                 "navigation", "screenLayout", "fontScale",  
                                 "uiMode", "orientation", "screenSize",  
                                 "smallestScreenSize"]  
          android:[directBootAware](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#directBootAware)=["true" | "false"]  
          android:[documentLaunchMode](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#dlmode)=["intoExisting" | "always" |  
                                  "none" | "never"]  
          android:[enabled](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#enabled)=["true" | "false"]  
          android:[excludeFromRecents](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#exclude)=["true" | "false"]  
          android:[exported](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#exported)=["true" | "false"]  
          android:[finishOnTaskLaunch](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#finish)=["true" | "false"]  
          android:[hardwareAccelerated](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#hwaccel)=["true" | "false"]  
          android:[icon](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#icon)="*drawable resource*"  
          android:[label](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#label)="*string resource*"  
          android:[launchMode](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#lmode)=["standard" | "singleTop" |  
                              "singleTask" | "singleInstance"]  
          android:[maxRecents](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#maxRecents)="*integer*"  
          android:[multiprocess](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#multi)=["true" | "false"]  
          android:[name](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#nm)="*string*"  
          android:[noHistory](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#nohist)=["true" | "false"]    
          android:[parentActivityName](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#parent)="*string*"   
          android:[persistableMode](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#persistableMode)=["persistRootOnly" |   
                                   "persistAcrossReboots" | "persistNever"]  
          android:[permission](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#prmsn)="*string*"  
          android:[process](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#proc)="*string*"  
          android:[relinquishTaskIdentity](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#relinquish)=["true" | "false"]  
          android:[resizeableActivity](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#resizeableActivity)=["true" | "false"]  
          android:[screenOrientation](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#screen)=["unspecified" | "behind" |  
                                     "landscape" | "portrait" |  
                                     "reverseLandscape" | "reversePortrait" |  
                                     "sensorLandscape" | "sensorPortrait" |  
                                     "userLandscape" | "userPortrait" |  
                                     "sensor" | "fullSensor" | "nosensor" |  
                                     "user" | "fullUser" | "locked"]  
          android:[showForAllUsers](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#showForAllUsers)=["true" | "false"]  
          android:[stateNotNeeded](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#state)=["true" | "false"]  
          android:[supportsPictureInPicture](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#supportsPIP)=["true" | "false"]  
          android:[taskAffinity](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#aff)="*string*"  
          android:[theme](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#theme)="*resource or theme*"  
          android:[uiOptions](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#uioptions)=["none" | "splitActionBarWhenNarrow"]  
          android:[windowSoftInputMode](https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html#wsoft)=["stateUnspecified",  
                                       "stateUnchanged", "stateHidden",  
                                       "stateAlwaysHidden", "stateVisible",  
                                       "stateAlwaysVisible", "adjustUnspecified",  
                                       "adjustResize", "adjustPan"] >     
    . . .  
</activity>

Chứa trong:

[<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q)

Có thể chứa:

[<intent-filter>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/intent-filter-element.html&usg=ALkJrhgOdZlkkeDOhMmyDl7ugkwRw5QWuQ)   
[<meta-data>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/meta-data-element.html&usg=ALkJrhhcYCOGNFXex3A7Mn5i4s37ypjAGg)

sự miêu tả:

Khai báo một hoạt động (một lớp con [Activity](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg) ) thực hiện một phần của giao diện người dùng trực quan của ứng dụng. Tất cả các hoạt động phải được đại diện bởi các phần tử <activity> trong tệp kê khai. Bất kỳ những gì không được tuyên bố sẽ không được nhìn thấy bởi hệ thống và sẽ không bao giờ được chạy.

thuộc tính:

android:allowEmbedded

Chỉ ra rằng hoạt động có thể được khởi chạy như là nhúng con của hoạt động khác. Đặc biệt trong trường hợp trẻ sống trong một thùng chứa như Màn Hình do một hoạt động khác sở hữu. Ví dụ: các hoạt động được sử dụng để Mang thông báo tùy chỉnh phải khai báo điều này để mặc thể hiển thị hoạt động trong luồng ngữ cảnh của nó, nó nằm trong quy trình khác.

Giá trị mặc định của thuộc tính này là false .

android:allowTaskReparenting

Liệu hoạt động có thể di chuyển từ nhiệm vụ bắt đầu nó đến nhiệm vụ mà nó có ái lực khi nhiệm vụ đó được đưa tới phía trước - " true " nếu nó có thể di chuyển, và " false " nếu nó phải ở trong nhiệm vụ Nơi mà nó bắt đầu.

Nếu thuộc tính này không được đặt, giá trị được đặt bởi thuộc tính [allowTaskReparenting](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q#reparent) tương ứng của phần tử [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) áp dụng cho hoạt động. Giá trị mặc định là " false ".

Thông thường, khi một hoạt động được bắt đầu, nó sẽ được kết hợp với nhiệm vụ của hoạt động đã bắt đầu và nó vẫn tồn tại trong suốt cuộc đời của nó. Bạn có thể sử dụng thuộc tính này để ép buộc nó được tái phân phối cho nhiệm vụ mà nó có mối quan hệ ái lực khi tác vụ hiện tại của nó không còn hiển thị nữa. Thông thường, nó được sử dụng để làm cho các hoạt động của ứng dụng chuyển sang nhiệm vụ chính liên quan đến ứng dụng đó.

Ví dụ: nếu một email chứa liên kết đến một trang web, nhấp vào liên kết sẽ hiển thị hoạt động có thể hiển thị trang. Hoạt động đó được xác định bởi ứng dụng trình duyệt, nhưng được khởi chạy như là một phần của nhiệm vụ e-mail. Nếu nó được bồi thường cho nhiệm vụ trình duyệt, nó sẽ được hiển thị khi trình duyệt tiếp theo đi đến phía trước, và sẽ vắng mặt khi e-mail nhiệm vụ một lần nữa xuất hiện.

Ái lực của một hoạt động được xác định bởi thuộc tính [taskAffinity](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#aff) . Ái lực của một nhiệm vụ được xác định bằng cách đọc ái lực của hoạt động gốc của nó. Do đó, theo định nghĩa, hoạt động của gốc luôn ở trong một nhiệm vụ có cùng mối quan hệ. Vì các hoạt động với các chế độ khởi chạy " singleTask " hoặc " singleInstance " chỉ có thể ở gốc của một tác vụ, việc bố trí lại cha mẹ được giới hạn ở các chế độ " standard " và " singleTop ". (Xem thêm thuộc tính [launchMode](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#lmode) .)

android:alwaysRetainTaskState

Cho dù hệ thống có được phép khôi phục lại công việc ở trạng thái ban đầu trong các tình huống nhất định hay không, trạng thái của nhiệm vụ mà hoạt động đó sẽ được duy trì bởi hệ thống - " true " nếu nó là và " false ". Giá trị mặc định là " false ". Thuộc tính này chỉ có ý nghĩa cho hoạt động gốc của một tác vụ; Nó bị bỏ qua cho tất cả các hoạt động khác.

Thông thường, hệ thống sẽ xóa một tác vụ (loại bỏ tất cả các hoạt động từ ngăn xếp trên hoạt động gốc) trong những tình huống nhất định khi người dùng chọn lại công việc đó từ màn hình chủ. Thông thường, điều này được thực hiện nếu người dùng không truy cập nhiệm vụ trong một khoảng thời gian nhất định, chẳng hạn như 30 phút.

Tuy nhiên, khi thuộc tính này là " true ", người dùng sẽ luôn luôn quay lại công việc ở trạng thái cuối cùng, bất kể họ đến đó như thế nào. Điều này rất hữu ích, ví dụ như trong một ứng dụng như trình duyệt web nơi có rất nhiều trạng thái (chẳng hạn như nhiều tab đang mở) mà người dùng không muốn mất.

android:autoRemoveFromRecents

Cho dù các tác vụ được thực hiện bởi các hoạt động với thuộc tính này vẫn còn trong [màn hình tổng quát](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/components/recents.html&usg=ALkJrhid4kgSXZ2AXeYucO7lUNHnIO9ybg) cho đến khi hoàn thành hoạt động cuối cùng trong công việc. Nếu true , nhiệm vụ sẽ tự động được xóa khỏi màn hình tổng quan. Điều này ghi đè sự sử dụng của người gọi [FLAG\_ACTIVITY\_RETAIN\_IN\_RECENTS](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_RETAIN_IN_RECENTS) . Nó phải là một giá trị boolean, " true " hoặc " false ".

android:banner

[Tài nguyên có thể vẽ được](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/resources/drawable-resource.html&usg=ALkJrhjRloycn7jSbd4RRYftTEwk4yQvXg) cung cấp biểu ngữ đồ họa mở rộng cho mục liên quan của nó. Sử dụng <activity> để cung cấp một banner mặc định cho một hoạt động cụ thể hoặc với [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) để cung cấp một banner cho tất cả các hoạt động ứng dụng.

Hệ thống sử dụng biểu ngữ để biểu thị ứng dụng trong màn hình chính của Android TV. Vì biểu ngữ chỉ được hiển thị trong màn hình chính nên chỉ cần chỉ định các ứng dụng với hoạt động xử lý dự định [CATEGORY\_LEANBACK\_LAUNCHER](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#CATEGORY_LEANBACK_LAUNCHER) .

Thuộc tính này phải được đặt làm tham chiếu đến một tài nguyên thu được có chứa hình ảnh (ví dụ "@drawable/banner" ). Không có biểu ngữ mặc định.

Xem [Biểu ngữ](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/design/tv/patterns.html&usg=ALkJrhiyiR8-haljhRTNrzp6I4IQoLNNyg#banner) trong Mẫu UI cho hướng dẫn thiết kế truyền hình và [Cung cấp biểu ngữ màn hình chính](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/training/tv/start/start.html&usg=ALkJrhgGuXh8s65yQYeg0AOtzIkkLxVuMA#banner) trong Bắt đầu với Ứng dụng truyền hình để biết thêm thông tin.

android:clearTaskOnLaunch

Có hay không tất cả các hoạt động sẽ được gỡ bỏ khỏi tác vụ, ngoại trừ hoạt động gốc, bất cứ khi nào nó được khởi chạy lại từ màn hình chính - " true " nếu tác vụ luôn bị xua tan xuống hoạt động gốc, và " false " nếu không . Giá trị mặc định là " false ". Thuộc tính này chỉ có ý nghĩa đối với các hoạt động bắt đầu một nhiệm vụ mới (hoạt động gốc); Nó bị bỏ qua cho tất cả các hoạt động khác trong nhiệm vụ.

Khi giá trị là " true ", mỗi khi người dùng bắt đầu lại nhiệm vụ, chúng sẽ được đưa vào hoạt động gốc của nó bất kể họ đã làm gì trong công việc và bất kể họ đã sử dụng nút *Back* hoặc *Home* để rời khỏi nó. Khi giá trị là " false ", nhiệm vụ có thể được xóa các hoạt động trong một số trường hợp (xem thuộc tính [alwaysRetainTaskState](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#always) ), nhưng không phải luôn luôn.

Ví dụ, giả sử ai đó khởi chạy hoạt động P từ màn hình chính, và từ đó sẽ đi vào hoạt động Q. Người dùng tiếp theo nhấn *Home* , và sau đó trở lại hoạt động P. Thông thường, người dùng sẽ thấy hoạt động Q, vì đó là những gì họ Đã làm việc lần cuối trong nhiệm vụ của P. Tuy nhiên, nếu P đặt cờ này thành " true ", tất cả các hoạt động trên cùng của nó (Q trong trường hợp này) đã được gỡ bỏ khi người dùng nhấn *Home* và tác vụ chuyển sang nền. Vì vậy người dùng chỉ nhìn thấy P khi quay lại nhiệm vụ.

Nếu thuộc tính này và [allowTaskReparenting](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#reparent) đều là " true ", bất kỳ hoạt động nào có thể được tái phân phối đều được di chuyển đến nhiệm vụ mà họ chia sẻ với nhau; Các hoạt động còn lại sau đó được giảm xuống, như mô tả ở trên.

android:configChanges

Liệt kê các thay đổi cấu hình mà hoạt động sẽ tự giải quyết. Khi thay đổi cấu hình xảy ra khi chạy, hoạt động được tắt và khởi động lại theo mặc định, nhưng khai báo cấu hình với thuộc tính này sẽ ngăn không cho hoạt động khởi động lại. Thay vào đó, hoạt động vẫn đang chạy và phương thức [onConfigurationChanged()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onConfigurationChanged%28android.content.res.Configuration%29) của nó được gọi.

**Lưu ý:** Sử dụng thuộc tính này nên tránh và chỉ sử dụng như là phương án cuối cùng. Vui lòng đọc [Xử lý Thời gian chạy thay đổi](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/resources/runtime-changes.html&usg=ALkJrhiwEZaVhnzuZQtTxqE76P48D2m_wA) để biết thêm thông tin về cách xử lý đúng cách khởi động lại do thay đổi cấu hình.

Bất kỳ hoặc tất cả các chuỗi sau đây là các giá trị hợp lệ cho thuộc tính này. Nhiều giá trị được phân cách bằng ' | '- ví dụ: " locale|navigation|orientation ".

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá trị** | **Sự miêu tả** |
| " mcc " | Mã nước di động IMSI (MCC) đã thay đổi - một SIM đã được phát hiện và cập nhật MCC. |
| " mnc " | Mã mạng di động IMSI (MNC) đã thay đổi - một SIM đã được phát hiện và cập nhật MNC. |
| " locale " | Địa phương đã thay đổi - người dùng đã chọn một ngôn ngữ mới mà văn bản sẽ được hiển thị. |
| " touchscreen " | Màn hình cảm ứng đã thay đổi. (Điều này sẽ không bao giờ xảy ra thường xuyên.) |
| " keyboard " | Loại bàn phím đã thay đổi - ví dụ: người dùng đã cắm bàn phím bên ngoài. |
| " keyboardHidden " | Khả năng truy cập bàn phím đã thay đổi - ví dụ như người dùng đã tiết lộ bàn phím phần cứng. |
| " navigation " | Loại điều hướng (trackball / dpad) đã thay đổi. (Điều này sẽ không bao giờ xảy ra thường xuyên.) |
| " screenLayout " | Bố cục màn hình đã thay đổi - điều này có thể gây ra bởi một màn hình khác đang được kích hoạt. |
| " fontScale " | Hệ số hiệu chỉnh phông chữ đã thay đổi - người dùng đã chọn kích thước phông chữ toàn cầu mới. |
| " uiMode " | Chế độ giao diện người dùng đã thay đổi - điều này có thể gây ra khi người dùng đặt thiết bị vào đế trên bàn / ô tô hoặc khi chế độ ban đêm thay đổi. Xem [UiModeManager](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/UiModeManager.html&usg=ALkJrhhp2F1Xi_d4pJm6AT0x5iinrlgGgQ) . *Được thêm vào cấp API 8* . |
| " orientation " | Hướng màn hình đã thay đổi - người dùng đã xoay thiết bị.  **Lưu ý:** Nếu ứng dụng của bạn nhắm mục tiêu đến mức API 13 hoặc cao hơn (như được khai báo bởi các thuộc tính [minSdkVersion](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/uses-sdk-element.html&usg=ALkJrhh_08mz5zo6r9BxEs5jceJcohRTpA#min) và [targetSdkVersion](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/uses-sdk-element.html&usg=ALkJrhh_08mz5zo6r9BxEs5jceJcohRTpA#target) ), thì bạn cũng nên khai báo cấu hình "screenSize" vì nó cũng thay đổi khi thiết bị chuyển giữa định hướng chân dung và hướng ngang. |
| " screenSize " | Kích thước màn hình hiện có có thay đổi. Điều này thể hiện sự thay đổi về kích thước hiện có, tương đối so với tỷ lệ co hiện tại, vì vậy sẽ thay đổi khi người dùng chuyển giữa cảnh quan và chân dung. Tuy nhiên, nếu ứng dụng của bạn nhắm mục tiêu đến mức API 12 hoặc thấp hơn, thì hoạt động của bạn luôn tự giải quyết thay đổi cấu hình này (thay đổi cấu hình này không khởi động lại hoạt động của bạn, ngay cả khi chạy trên thiết bị Android 3.2 trở lên).  *Được thêm vào cấp độ API 13.* |
| " smallestScreenSize " | Kích thước màn hình vật lý đã thay đổi. Điều này thể hiện sự thay đổi kích thước bất kể hướng, vì vậy sẽ chỉ thay đổi khi kích thước màn hình thực tế đã thay đổi như chuyển sang màn hình bên ngoài. Sự thay đổi đối với cấu hình này tương ứng với sự thay đổi trong [cấu hình smallestWidth](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/resources/providing-resources.html&usg=ALkJrhhMXUb4GxrNNPcA-vNyLUZZGz5K9g#SmallestScreenWidthQualifier) . Tuy nhiên, nếu ứng dụng của bạn nhắm mục tiêu đến mức API 12 hoặc thấp hơn, thì hoạt động của bạn luôn tự giải quyết thay đổi cấu hình này (thay đổi cấu hình này không khởi động lại hoạt động của bạn, ngay cả khi chạy trên thiết bị Android 3.2 trở lên).  *Được thêm vào cấp độ API 13.* |
| " layoutDirection " | Hướng bố cục đã thay đổi. Ví dụ: thay đổi từ trái sang phải (LTR) sang phải sang trái (RTL). *Được thêm vào cấp API 17.* |

Tất cả các thay đổi cấu hình này có thể ảnh hưởng đến các giá trị tài nguyên mà ứng dụng thấy. Do đó, khi [onConfigurationChanged()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onConfigurationChanged%28android.content.res.Configuration%29) được gọi, cần phải lấy lại tất cả các tài nguyên (bao gồm cả bố cục xem, các bản vẽ, vân vân) để xử lý đúng sự thay đổi.

android:directBootAware

Hoạt động có hay không khởi động *trực tiếp* ; Có nghĩa là, có hay không nó có thể chạy trước khi người dùng mở khóa thiết bị.

**Lưu ý:** Trong [Khởi động Trực tiếp](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/training/articles/direct-boot.html&usg=ALkJrhj_prrf2mAuOZufis61VrjXOzQOuw) , hoạt động trong ứng dụng của bạn chỉ có thể truy cập dữ liệu được lưu trữ trong bộ nhớ *được bảo vệ bởi thiết bị* .

Giá trị mặc định là "false" .

android:documentLaunchMode

Chỉ định cách một cá thể mới của một hoạt động nên được thêm vào một tác vụ mỗi khi nó được đưa ra. Thuộc tính này cho phép người dùng có nhiều tài liệu từ cùng một ứng dụng xuất hiện trong [màn hình tổng quan](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/components/recents.html&usg=ALkJrhid4kgSXZ2AXeYucO7lUNHnIO9ybg) .

Thuộc tính này có bốn giá trị tạo ra các hiệu ứng sau khi người dùng mở một tài liệu với ứng dụng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá trị** | **Sự miêu tả** |
| " intoExisting " | Hệ thống tìm kiếm một tác vụ có ComponentName và URI dữ liệu của Base với các mục đích phát hành. Nếu hệ thống tìm ra một nhiệm vụ như vậy, hệ thống sẽ xóa nhiệm vụ và khởi động lại với hoạt động gốc nhận được cuộc gọi đến [onNewIntent(android.content.Intent)](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onNewIntent%28android.content.Intent%29) . Nếu hệ thống không tìm được một công việc như vậy, hệ thống sẽ tạo ra một nhiệm vụ mới. |
| " always " | Hoạt động tạo ra một nhiệm vụ mới cho tài liệu, ngay cả khi tài liệu đã được mở. Điều này cũng giống như đặt cả cờ [FLAG\_ACTIVITY\_MULTIPLE\_TASK](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_MULTIPLE_TASK) và [FLAG\_ACTIVITY\_MULTIPLE\_TASK](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_MULTIPLE_TASK) . |
| " none " | Hoạt động này không tạo ra một nhiệm vụ mới cho hoạt động này. Đây là giá trị mặc định, tạo ra một tác vụ mới chỉ khi [FLAG\_ACTIVITY\_NEW\_TASK](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_NEW_TASK) được đặt. Màn hình tổng quan xử lý hoạt động như mặc định: nó sẽ hiển thị một tác vụ duy nhất cho ứng dụng, nó sẽ tiếp tục từ bất kỳ hoạt động nào người dùng cuối gọi. |
| "Không never " | Hoạt động này không được đưa vào một tài liệu mới ngay cả khi Intent chứa [FLAG\_ACTIVITY\_NEW\_DOCUMENT](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_NEW_DOCUMENT) . Đặt cài đặt này sẽ ghi đè lên hành vi của các [FLAG\_ACTIVITY\_NEW\_DOCUMENT](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_NEW_DOCUMENT) và [FLAG\_ACTIVITY\_MULTIPLE\_TASK](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_MULTIPLE_TASK) , nếu một trong hai thiết lập này được đặt trong hoạt động và màn hình tổng quan sẽ hiển thị một tác vụ duy nhất cho ứng dụng, nó sẽ tiếp tục từ bất kỳ hoạt động nào mà người dùng cuối gọi. |

**Lưu ý:** Đối với các giá trị khác với " none " và " never ", hoạt động phải được định nghĩa với launchMode="standard" . Nếu thuộc tính này không được chỉ định, documentLaunchMode="none" được sử dụng.

android:enabled

Liệu hoạt động có thể được khởi tạo bằng hệ thống hay không - "true" nếu nó có thể và " false " nếu không. Giá trị mặc định là " true ".

Phần tử [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) có thuộc tính [enabled](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q#enabled) áp dụng cho tất cả các thành phần của ứng dụng, bao gồm các hoạt động. Các thuộc tính [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) và <activity> đều phải là " true " (vì cả hai đều là mặc định) để hệ thống có thể khởi tạo hoạt động. Nếu một trong hai là " false ", nó không thể được instantiated.

android:excludeFromRecents

Cho dù nhiệm vụ bắt đầu bởi hoạt động này có nên được loại trừ khỏi danh sách các ứng dụng gần đây đã sử dụng, [màn hình tổng quan](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/components/recents.html&usg=ALkJrhid4kgSXZ2AXeYucO7lUNHnIO9ybg) . Nghĩa là, khi hoạt động này là hoạt động gốc của một tác vụ mới, thuộc tính này sẽ quyết định xem nhiệm vụ không nên xuất hiện trong danh sách các ứng dụng gần đây. Đặt " true " nếu nhiệm vụ cần được *loại trừ* khỏi danh sách; Đặt " false " nếu nó được *bao gồm* . Giá trị mặc định là " false ".

android:exported

Yếu tố này đặt ra liệu hoạt động có thể được đưa ra bởi các thành phần của các ứng dụng khác - " true " nếu nó có thể, và " false " nếu không. Nếu " false ", hoạt động chỉ có thể được khởi chạy bởi các thành phần của cùng một ứng dụng hoặc các ứng dụng có cùng một ID người dùng.

Nếu bạn đang sử dụng bộ lọc đích, bạn không nên đặt thành phần này " false ". Nếu bạn làm như vậy, và một ứng dụng cố gắng gọi hoạt động, hệ thống sẽ ném một [ActivityNotFoundException](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/ActivityNotFoundException.html&usg=ALkJrhitFiusV0jcR-VkcL2CtZ-aDdnj7w) . Thay vào đó, bạn nên ngăn các ứng dụng khác gọi hoạt động bằng cách không đặt các bộ lọc ý định cho hoạt động đó.

Nếu bạn không có bộ lọc ý đồ, giá trị mặc định cho phần tử này là " false ". Nếu bạn đặt thành phần " true ", hoạt động có thể truy cập được tới bất kỳ ứng dụng nào biết tên lớp chính xác của nó, nhưng không giải quyết khi hệ thống cố gắng khớp với một ý định ngầm.

Thuộc tính này không phải là cách duy nhất để hạn chế sự tiếp xúc của một hoạt động với các ứng dụng khác. Bạn cũng có thể sử dụng quyền hạn để hạn chế các thực thể bên ngoài có thể gọi hoạt động này (xem thuộc tính [permission](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#prmsn) ).

android:finishOnTaskLaunch

Cho dù đóng vai trò của một hoạt động hiện tại hay không, bất cứ khi nào người sử dụng lại khởi chạy nhiệm vụ của mình (chọn nhiệm vụ trên màn hình chủ) - " true " nếu nó bị đóng, và " false " nếu không. Giá trị mặc định là " false ".

Nếu thuộc tính này và [allowTaskReparenting](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#reparent) đều là " true ", thuộc tính này trumps khác. Mối quan hệ của hoạt động bị bỏ qua. Hoạt động không được tái phân phối, nhưng bị hủy hoại.

android:hardwareAccelerated

Cho dù bật chế độ rendering đã tăng tốc phần cứng cho Hoạt động này hay không - " true " nếu nó được bật, và " false " nếu không. Giá trị mặc định là " false ".

Bắt đầu từ Android 3.0, một trình renderer OpenGL tăng tốc phần cứng sẵn có cho các ứng dụng, để cải thiện hiệu suất cho nhiều hoạt động đồ họa phổ biến. Khi phần mở rộng tăng tốc phần cứng được bật, hầu hết các hoạt động trong Canvas, Paint, Xfermode, ColorFilter, Shader và Camera đều được tăng tốc. Kết quả là hoạt ảnh mượt mà hơn, di chuyển mượt mà hơn, và cải thiện khả năng phản ứng tổng thể, thậm chí đối với các ứng dụng không rõ ràng sử dụng thư viện OpenGL của khung công tác. Do tăng tài nguyên cần thiết để cho phép tăng tốc phần cứng, ứng dụng của bạn sẽ tiêu tốn nhiều RAM hơn.

Lưu ý rằng không phải tất cả các hoạt động OpenGL 2D đều được tăng tốc. Nếu bạn cho phép renderer tăng tốc phần cứng, kiểm tra ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng nó có thể sử dụng trình kết xuất mà không có lỗi.

android:icon

Biểu tượng biểu thị hoạt động. Biểu tượng được hiển thị cho người dùng khi một biểu diễn hoạt động được yêu cầu trên màn hình. Ví dụ, các biểu tượng cho các hoạt động bắt đầu tác vụ được hiển thị trong cửa sổ trình khởi chạy. Biểu tượng thường kèm theo một nhãn (xem thuộc tính [android:label](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#label) ).

Thuộc tính này phải được đặt làm tài liệu tham khảo cho một tài nguyên thu được có chứa định nghĩa hình ảnh. Nếu nó không được thiết lập, biểu tượng được chỉ định cho ứng dụng như một toàn thể được sử dụng thay thế (xem thuộc tính của phần tử [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) thuộc tính của [icon](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q#icon) ).

Biểu tượng của hoạt động - dù được đặt ở đây hay bởi phần tử [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) - cũng là biểu tượng mặc định cho tất cả các bộ lọc đích của hoạt động (xem thuộc tính của [icon](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/intent-filter-element.html&usg=ALkJrhgOdZlkkeDOhMmyDl7ugkwRw5QWuQ#icon) phần tử [<intent-filter>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/intent-filter-element.html&usg=ALkJrhgOdZlkkeDOhMmyDl7ugkwRw5QWuQ) ).

android:label

Nhãn người dùng có thể đọc được cho hoạt động này. Nhãn được hiển thị trên màn hình khi hoạt động phải được trình bày cho người dùng. Nó thường được hiển thị cùng với biểu tượng hoạt động.

Nếu thuộc tính này không được đặt, nhãn được đặt cho ứng dụng như một toàn thể được sử dụng thay thế (xem thuộc tính [label](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q#label) của [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) thuộc tính của phần tử).

Nhãn của hoạt động - dù được đặt ở đây hay bởi phần tử [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) - cũng là nhãn mặc định cho tất cả các bộ lọc đích của hoạt động (xem thuộc tính [label](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/intent-filter-element.html&usg=ALkJrhgOdZlkkeDOhMmyDl7ugkwRw5QWuQ#label) của phần tử [<intent-filter>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/intent-filter-element.html&usg=ALkJrhgOdZlkkeDOhMmyDl7ugkwRw5QWuQ) ).

Nhãn nên được đặt như là một tham chiếu đến một tài nguyên chuỗi, do đó nó có thể được bản địa hoá như các chuỗi khác trong giao diện người dùng. Tuy nhiên, như một tiện ích trong khi bạn đang phát triển ứng dụng, nó cũng có thể được thiết lập như là một chuỗi thô.

android:launchMode

Một hướng dẫn về hoạt động nên được đưa ra như thế nào. Có bốn chế độ hoạt động cùng với cờ hoạt động (các hằng số FLAG\_ACTIVITY\_\* ) trong các đối tượng [Intent](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ) để xác định điều gì sẽ xảy ra khi hoạt động được gọi để xử lý ý định. Họ là:

" standard "   
" singleTop "   
" singleTask "   
" singleInstance "

Chế độ mặc định là " standard ".

Như thể hiện trong bảng dưới đây, các chế độ này chia thành hai nhóm chính, với các hoạt động " standard " và " singleTop " ở một bên và các hoạt động " singleTask " và " singleInstance " ở bên kia. Hoạt động với chế độ khởi chạy " standard " hoặc " singleTop " có thể được khởi tạo nhiều lần. Các thể hiện có thể thuộc về bất kỳ tác vụ nào và có thể được đặt ở bất cứ vị trí nào trong ngăn hoạt động. Thông thường, chúng được đưa vào trong nhiệm vụ gọi là [startActivity()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Context.html&usg=ALkJrhi1PKLSQzsPDvwVNkI8BLx2AN_GwQ#startActivity%28android.content.Intent%29) (trừ khi đối tượng Intent chứa một [FLAG\_ACTIVITY\_NEW\_TASK](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_NEW_TASK) , trong trường hợp đó chọn một tác vụ khác - xem thuộc tính [taskAffinity](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#aff) ).

Ngược lại, các hoạt động " singleTask " và " singleInstance " chỉ có thể bắt đầu một tác vụ. Chúng luôn ở gốc của ngăn xếp hoạt động. Hơn nữa, thiết bị chỉ có thể giữ một lần duy nhất hoạt động tại một thời điểm - chỉ có một nhiệm vụ như vậy.

Các chế độ " standard " và " singleTop " khác nhau chỉ với một khía cạnh: Mỗi lần có ý định mới cho một hoạt động " standard ", một thể hiện mới của lớp được tạo ra để đáp ứng mục đích đó. Mỗi ví dụ xử lý một ý định duy nhất. Tương tự, một cá thể mới của hoạt động " singleTop " cũng có thể được tạo ra để xử lý một ý định mới. Tuy nhiên, nếu nhiệm vụ đích đã có một thể hiện hiện tại của hoạt động ở phía trên ngăn xếp, cá thể đó sẽ nhận được ý định mới (trong một cuộc gọi [onNewIntent()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onNewIntent%28android.content.Intent%29) ); Một trường hợp mới không được tạo ra. Trong các trường hợp khác - ví dụ: nếu một thể hiện hiện tại của hoạt động " singleTop " đang ở trong nhiệm vụ đích, nhưng không ở trên cùng ngăn xếp, hoặc nếu nó ở đầu stack, nhưng không nằm trong nhiệm vụ đích - a Trường hợp mới sẽ được tạo ra và đẩy lên stack.

Tương tự, nếu bạn [điều hướng](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/training/implementing-navigation/ancestral.html&usg=ALkJrhgMBqtsLotHL0eTLBgIednrrALgsg) đến một hoạt động trên stack hiện tại, hành vi được xác định bởi chế độ khởi chạy của hoạt động cha mẹ. Nếu hoạt động của cha mẹ có chế độ khởi singleTop (hoặc ý định up có chứa [FLAG\_ACTIVITY\_CLEAR\_TOP](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_CLEAR_TOP) ), cha mẹ được đưa lên trên cùng ngăn xếp, và trạng thái của nó được bảo toàn. Ý định chuyển hướng đã nhận được bởi phương thức [onNewIntent()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onNewIntent%28android.content.Intent%29) của hoạt động cha mẹ. Nếu hoạt động của cha mẹ có standard chế độ khởi chạy (và mục đích up không chứa [FLAG\_ACTIVITY\_CLEAR\_TOP](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_CLEAR_TOP) ), hoạt động hiện tại và cha mẹ của nó đều được bật ra khỏi ngăn xếp và một trường hợp mới của hoạt động cha mẹ được tạo để nhận được ý định điều hướng.

Các chế độ " singleTask " và " singleInstance " cũng khác biệt với nhau chỉ trong một khía cạnh: Hoạt động " singleTask " cho phép các hoạt động khác là một phần trong nhiệm vụ của nó. Nó luôn là nguồn gốc của nhiệm vụ của nó, nhưng các hoạt động khác (nhất thiết là " standard " và " singleTop ") có thể được đưa vào nhiệm vụ đó. Một hoạt động " singleInstance ", mặt khác, không cho phép các hoạt động khác là một phần của nhiệm vụ của mình. Đó là hoạt động duy nhất trong nhiệm vụ. Nếu bắt đầu một hoạt động khác, hoạt động đó được gán cho một nhiệm vụ khác - như thể FLAG\_ACTIVITY\_NEW\_TASK đã có ý định.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trường hợp sử dụng** | **Chế độ Khởi chạy** | **Nhiều trường hợp?** | **Bình luận** |
| Khởi chạy bình thường cho hầu hết các hoạt động | " standard " | Vâng | Mặc định. Hệ thống luôn tạo ra một thể hiện mới của hoạt động trong nhiệm vụ mục tiêu và định hướng mục tiêu đó. |
| " singleTop " | Có điều kiện | Nếu một thể hiện của hoạt động đã tồn tại ở đầu nhiệm vụ đích, hệ thống sẽ chuyển ý định đến thể hiện đó thông qua một cuộc gọi tới phương thức [onNewIntent()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onNewIntent%28android.content.Intent%29) của nó chứ không phải tạo một thể hiện mới của hoạt động. |
| Khởi chạy chuyên biệt  *(Không nên dùng chung)* | " singleTask " | Không | Hệ thống tạo ra hoạt động ở gốc của một tác vụ mới và định hướng nó. Tuy nhiên, nếu một thể hiện của hoạt động đã tồn tại, hệ thống sẽ chuyển ý định đến hiện tại qua một cuộc gọi tới phương thức [onNewIntent()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onNewIntent%28android.content.Intent%29) của nó, thay vì tạo một phương thức mới. |
| " singleInstance " | Không | Giống như " singleTask" , ngoại trừ hệ thống không khởi động bất kỳ hoạt động nào khác vào nhiệm vụ đang nắm giữ cá thể. Hoạt động này luôn là thành viên duy nhất và duy nhất trong nhiệm vụ của mình. |

Như thể hiện trong bảng trên, standard là chế độ mặc định và phù hợp với hầu hết các loại hoạt động. SingleTop cũng là một phương thức khởi động phổ biến và hữu ích cho nhiều loại hoạt động. Các chế độ khác - singleTask và singleInstance - không thích hợp cho hầu hết các ứng dụng vì chúng cho kết quả là mô hình tương tác có thể không quen với người dùng và rất khác với hầu hết các ứng dụng khác.

Bất kể chế độ khởi chạy mà bạn chọn, đảm bảo kiểm tra tính hữu dụng của hoạt động trong quá trình khởi chạy và khi điều hướng trở lại với hoạt động và các tác vụ khác bằng nút *Quay lại* .

Để biết thêm thông tin về các chế độ khởi động và sự tương tác của chúng với các cờ Intent, hãy xem tài liệu [Tasks và Back Stack](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/components/tasks-and-back-stack.html&usg=ALkJrhgH5dfLZzwC9FG6Wy0Se1IJ7gYg4Q) .

android:maxRecents

Số lượng công việc tối đa bắt nguồn từ hoạt động này trong [màn hình tổng quan](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/components/recents.html&usg=ALkJrhid4kgSXZ2AXeYucO7lUNHnIO9ybg) . Khi số mục nhập này đạt được, hệ thống sẽ loại bỏ trường hợp được sử dụng ít nhất là gần đây từ màn hình tổng quan. Các giá trị hợp lệ là từ 1 đến 50 (25 trên các thiết bị bộ nhớ thấp); Zero là không hợp lệ. Đây phải là một giá trị số nguyên, chẳng hạn như 50. Giá trị mặc định là 16.

android:multiprocess

Cho dù một thể hiện của hoạt động có thể được đưa vào quá trình của thành phần bắt đầu nó - " true " nếu nó có thể được, và " false " nếu không. Giá trị mặc định là " false ".

Thông thường, một thể hiện mới của một hoạt động được đưa vào quá trình ứng dụng đã định nghĩa nó, do đó tất cả các thể hiện của hoạt động đều chạy trong cùng một quy trình. Tuy nhiên, nếu cờ này được thiết lập là " true ", các thể hiện của hoạt động có thể chạy trong nhiều quy trình, cho phép hệ thống tạo các thể hiện bất cứ nơi nào chúng được sử dụng (điều khoản được cho phép cho phép), cái gì đó hầu như không bao giờ cần thiết hoặc mong muốn.

android:name

Tên của lớp thực hiện hoạt động, một phân lớp của [Activity](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg) . Giá trị thuộc tính phải là một tên lớp đủ điều kiện (chẳng hạn như " com.example.project.ExtracurricularActivity "). Tuy nhiên, như một ký tự viết tắt, nếu ký tự đầu tiên của tên là một khoảng thời gian (ví dụ: " .ExtracurricularActivity "), nó được nối vào tên gói được chỉ định trong phần tử [<manifest>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/manifest-element.html&usg=ALkJrhiuxAqx7wBUAwlboUopEFfXx4inLA) .

Sau khi xuất bản ứng dụng của bạn, bạn [không nên thay đổi tên này](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=http://android-developers.blogspot.com/2011/06/things-that-cannot-change.html&usg=ALkJrhj8svKTUfs3n8pFvviJ3vPxPE5VLQ) (trừ khi bạn đã đặt [android:exported](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#exported) ="false" ).

Không có mặc định. Tên phải được chỉ định.

android:noHistory

Cho dù hoạt động có được loại bỏ khỏi ngăn hoạt động hay không thì phương pháp [finish()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#finish%28%29) được gọi là gì khi người dùng điều hướng khỏi nó và nó không còn hiển thị trên màn hình nữa - " true " nếu nó kết thúc, và " false " nếu không. Giá trị mặc định là " false ".

Giá trị của " true " có nghĩa là hoạt động sẽ không để lại dấu vết lịch sử. Nó sẽ không còn trong ngăn hoạt động của tác vụ, vì vậy người dùng sẽ không thể quay lại nó. Trong trường hợp này, [onActivityResult()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onActivityResult%28int,%20int,%20android.content.Intent%29) không bao giờ được gọi là nếu bạn bắt đầu một hoạt động khác để có kết quả từ hoạt động này.

Thuộc tính này đã được giới thiệu trong Cấp độ API 3.

android:parentActivityName

Tên lớp học của cha mẹ logic của hoạt động. Tên ở đây phải khớp với tên lớp được đặt cho thuộc tính [android:name](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#nm) của phần tử <activity> phần tử tương ứng.

Hệ thống sẽ đọc thuộc tính này để xác định hoạt động nào nên được bắt đầu khi người dùng nhấn nút Trên trên thanh tác vụ. Hệ thống cũng có thể sử dụng thông tin này để tổng hợp lại một nhóm hoạt động với [TaskStackBuilder](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/TaskStackBuilder.html&usg=ALkJrhgV4ChPfLy4DfuOoIIDPV1TAdMsAQ) .

Để hỗ trợ cấp độ API 4-16, bạn cũng có thể khai báo hoạt động của cha mẹ bằng một phần tử <meta-data> chỉ định giá trị cho "android.support.PARENT\_ACTIVITY" . Ví dụ:

<Hoạt động  
    Android: name = "com.example.app.ChildActivity"  
    Android: label = "@ string / title\_child\_activity"  
    Android: parentActivityName = "com.example.app.MainActivity">  
    <! - Hoạt động của siêu dữ liệu mẹ để hỗ trợ cấp độ API 4+ ->  
    <Meta-data  
        Android: name = "android.support.PARENT\_ACTIVITY"  
        Android: value = "com.example.app.MainActivity" />  
 </ Activity>

Để biết thêm thông tin về tuyên bố hoạt động của phụ huynh để hỗ trợ Up navigation, hãy đọc [Providing Up Navigation](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/training/implementing-navigation/ancestral.html&usg=ALkJrhgMBqtsLotHL0eTLBgIednrrALgsg) .

Thuộc tính này đã được giới thiệu trong Cấp độ API 16.

android:persistableMode

Xác định cách thể hiện của một hoạt động được giữ nguyên trong một tác vụ có chứa trên các thiết bị khởi động lại.

Nếu hoạt động gốc của một tác vụ đặt giá trị thuộc tính này là persistRootOnly , thì chỉ hoạt động gốc mới được bảo toàn. Nếu không, các hoạt động được nâng cao lên [stack](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/components/activities/tasks-and-back-stack.html&usg=ALkJrhhrnpIEo85c5Jl8ZB1B6NeHUlm_fA) của công việc được kiểm tra; Bất kỳ hoạt động nào đặt giá trị thuộc tính này cho persistAcrossReboots được bảo toàn.

Nếu bạn sử dụng thuộc tính này, bạn phải đặt giá trị của nó cho một trong những điều sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá trị** | **Sự miêu tả** |
| persistRootOnly | **Giá trị mặc định.** Khi hệ thống khởi động lại, nhiệm vụ hoạt động được bảo toàn, nhưng chỉ có ý định khởi động của hoạt động gốc mới được sử dụng.  Khi mục đích đưa ra ứng dụng của bạn tải hoạt động gốc của ứng dụng, hoạt động không nhận được đối tượng [PersistableBundle](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/os/PersistableBundle.html&usg=ALkJrhiJDBwyvrYdvvBTYom9ZRavihYV1g) . Vì vậy, không sử dụng [onSaveInstanceState()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onSaveInstanceState%28android.os.Bundle,%20android.os.PersistableBundle%29) để bảo vệ trạng thái hoạt động root của ứng dụng của bạn trên một thiết bị khởi động lại.  **Lưu ý:** Giá trị thuộc tính này ảnh hưởng đến hành vi ứng dụng của bạn chỉ khi nó được đặt trên hoạt động gốc của ứng dụng. |
| persistAcrossReboots | Trạng thái của hoạt động này được giữ nguyên, cùng với trạng thái của mỗi hoạt động cao hơn [ngăn xếp phía sau](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/components/activities/tasks-and-back-stack.html&usg=ALkJrhhrnpIEo85c5Jl8ZB1B6NeHUlm_fA) có thuộc persistAcrossReboots của riêng nó được đặt thành persistAcrossReboots . Nếu hoạt động không có thuộc persistAcrossReboots , được đặt thành persistAcrossReboots , hoặc nếu nó được khởi chạy bằng cờ [Intent.FLAG\_ACTIVITY\_NEW\_DOCUMENT](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_NEW_DOCUMENT) , thì hoạt động đó, cùng với tất cả các hoạt động cao hơn lên ngăn xếp lại, không được bảo toàn.  Khi một mục đích tải một hoạt động có thuộc persistAcrossReboots persistableMode được đặt thành persistAcrossReboots trong ứng dụng của bạn, hoạt động sẽ nhận được một đối tượng [PersistableBundle](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/os/PersistableBundle.html&usg=ALkJrhiJDBwyvrYdvvBTYom9ZRavihYV1g) trong phương thức [onCreate()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onCreate%28android.os.Bundle,%20android.os.PersistableBundle%29) của nó. Vì vậy, bạn có thể sử dụng [onSaveInstanceState()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onSaveInstanceState%28android.os.Bundle,%20android.os.PersistableBundle%29) để bảo toàn trạng thái của một hoạt động trên một thiết bị khởi động lại miễn là thuộc tính của nó persistableMode được đặt thành persistAcrossReboots .  **Lưu ý:** Giá trị thuộc tính này ảnh hưởng đến hành vi của ứng dụng ngay cả khi nó được đặt trên một hoạt động khác với hoạt động gốc của ứng dụng. |
| persistNever | Trạng thái của hoạt động không được bảo toàn.  **Lưu ý:** Giá trị thuộc tính này ảnh hưởng đến hành vi ứng dụng của bạn chỉ khi nó được đặt trên hoạt động gốc của ứng dụng. |

Thuộc tính này đã được giới thiệu ở mức API 21.

android:permission

Tên của một sự cho phép mà khách hàng phải có để khởi động hoạt động hoặc bằng cách khác làm cho nó đáp ứng một ý định. Nếu người gọi [startActivity()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Context.html&usg=ALkJrhi1PKLSQzsPDvwVNkI8BLx2AN_GwQ#startActivity%28android.content.Intent%29) hoặc [startActivityForResult()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#startActivityForResult%28android.content.Intent,%20int%29) chưa được cấp phép cụ thể, ý định của nó sẽ không được chuyển đến hoạt động.

Nếu thuộc tính này không được đặt, sự cho phép được thiết lập bởi thuộc tính [permission](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q#prmsn) của phần tử [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) áp dụng cho hoạt động. Nếu không có thuộc tính được thiết lập, hoạt động không được bảo vệ bởi một sự cho phép.

Để biết thêm thông tin về quyền truy cập, hãy xem phần [Quyền](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/manifest-intro.html&usg=ALkJrhhdeqKS0tMLrAr5ftn_-aSOCxGH_g#sectperm) trong phần giới thiệu và một tài liệu khác, [Bảo mật và Quyền](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/security/security.html&usg=ALkJrhjhVoMGnVfyn8qeUkeIAjnLtaAjhQ) .

android:process

Tên của quá trình hoạt động cần chạy. Thông thường, tất cả các thành phần của một ứng dụng chạy trong một tên quy trình mặc định được tạo cho ứng dụng và bạn không cần phải sử dụng thuộc tính này. Nhưng nếu cần thiết, bạn có thể ghi đè tên quy trình mặc định bằng thuộc tính này, cho phép bạn trải rộng các thành phần ứng dụng của mình qua nhiều quy trình.

Nếu tên được gán cho thuộc tính này bắt đầu với dấu hai chấm (':'), một quy trình mới, riêng tư cho ứng dụng, được tạo ra khi nó cần thiết và hoạt động sẽ chạy trong quá trình đó. Nếu tên quy trình bắt đầu với một ký tự chữ thường, hoạt động sẽ chạy trong quá trình toàn cầu với tên đó, miễn là nó được phép làm như vậy. Điều này cho phép các thành phần trong các ứng dụng khác nhau chia sẻ một quy trình, giảm việc sử dụng tài nguyên.

Thuộc tính [process](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q#proc) của phần tử [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q) có thể đặt tên quy trình mặc định khác cho tất cả các thành phần.

android:relinquishTaskIdentity

Liệu hoạt động có từ bỏ các nhận dạng nhiệm vụ của nó đối với hoạt động ở trên nó trong ngăn xếp công việc hay không. Một tác vụ có hoạt động gốc có thuộc tính này đặt là " true " sẽ thay thế Intent cơ bản với hoạt động tiếp theo của tác vụ. Nếu hoạt động tiếp theo cũng có thuộc tính này được đặt là " true " thì nó sẽ mang lại cho Base Intent bất kỳ hoạt động nào mà nó khởi chạy trong cùng một tác vụ. Thao tác này tiếp tục cho mỗi hoạt động cho đến khi một hoạt động gặp phải có thuộc tính này là " false ". Giá trị mặc định là " false ".

Thuộc tính này đặt là " true " cũng cho phép hoạt động sử dụng [ActivityManager.TaskDescription](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/ActivityManager.TaskDescription.html&usg=ALkJrhhFsIsN1cy1PhaIdXBaSZi6NzWa3A) để thay đổi nhãn, màu sắc và biểu tượng trong [màn hình tổng quan](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/components/recents.html&usg=ALkJrhid4kgSXZ2AXeYucO7lUNHnIO9ybg) .

resizeableActivity

Chỉ định xem ứng dụng có hỗ trợ [hiển thị đa cửa sổ không](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/ui/multi-window.html&usg=ALkJrhj4BIR7tLHK-CKTsjx635O-xeEapg) .Bạn có thể thiết lập thuộc tính này trong một trong hai <activity>hoặc [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q)phần tử.

Nếu bạn đặt thuộc tính này là true, người dùng có thể khởi động các hoạt động trong chia màn hình và chế độ Freeform. Nếu bạn thiết lập các thuộc tính để sai, hoạt động này không hỗ trợ chế độ nhiều cửa sổ. Nếu giá trị này là sai sự thật, và người dùng cố gắng để khởi động các hoạt động trong chế độ nhiều cửa sổ, hoạt động tiếp quản toàn bộ màn hình.

Nếu ứng dụng của bạn nhắm mục tiêu cấp độ API 24 hoặc cao hơn, nhưng bạn không chỉ định giá trị cho thuộc tính này, giá trị mặc định giá trị của thuộc tính là true.

Thuộc tính này đã được bổ sung ở mức API 24.

android:screenOrientation

Định hướng của màn hình của hoạt động trên thiết bị. Hệ thống bỏ qua thuộc tính này nếu hoạt động này đang chạy trong [chế độ nhiều cửa sổ](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/ui/multi-window.html&usg=ALkJrhj4BIR7tLHK-CKTsjx635O-xeEapg) .

Giá trị có thể là bất kỳ một trong những chuỗi kí tự sau:

|  |  |
| --- | --- |
| " unspecified" | Giá trị mặc định. Hệ thống lựa chọn định hướng. Chính sách này nó sử dụng, và do đó lựa chọn thực hiện trong bối cảnh cụ thể, có thể khác nhau từ điện thoại đến điện thoại. |
| " behind" | Định hướng tương tự như các hoạt động đó là ngay lập tức bên dưới nó trong hoạt động ngăn xếp. |
| " landscape" | định hướng phong cảnh (màn hình rộng hơn đó là cao). |
| " portrait" | hướng dọc (màn hình là cao hơn nó là rộng). |
| " reverseLandscape" | Định hướng phong cảnh theo chiều ngược lại từ phong cảnh bình thường. *Thêm vào mức API 9.* |
| " reversePortrait" | Hướng dọc theo chiều ngược lại từ bức chân dung bình thường. *Thêm vào mức API 9.* |
| " sensorLandscape" | Định hướng phong cảnh, nhưng có thể là bình thường hoặc ngược lại cảnh quan dựa trên các cảm biến thiết bị. *Thêm vào mức API 9.* |
| " sensorPortrait" | Hướng dọc, nhưng có thể là bình thường hoặc ngược lại chân dung dựa trên các cảm biến thiết bị. *Thêm vào mức API 9.* |
| " userLandscape" | Định hướng phong cảnh, nhưng có thể là bình thường hoặc ngược lại cảnh quan dựa trên các cảm biến thiết bị và sở thích cảm biến của người dùng. Nếu người dùng đã bị khóa xoay cảm biến dựa trên, điều này cư xử giống như landscape, nếu không nó cư xử giống như sensorLandscape. *Thêm vào mức API 18.* |
| " userPortrait" | Hướng dọc, nhưng có thể là bình thường hoặc ngược lại chân dung dựa trên các cảm biến thiết bị và sở thích cảm biến của người dùng. Nếu người dùng đã bị khóa xoay cảm biến dựa trên, điều này cư xử giống như portrait, nếu không nó cư xử giống như sensorPortrait. *Thêm vào mức API 18.* |
| " sensor" | Định hướng được xác định bởi cảm biến định hướng thiết bị. Định hướng của màn hình phụ thuộc vào cách người dùng là giữ thiết bị; nó thay đổi khi người dùng xoay thiết bị. Một số thiết bị, tuy nhiên, sẽ không xoay để tất cả bốn phương hướng có thể, theo mặc định. Để cho phép tất cả bốn hướng, sử dụng "fullSensor". |
| " fullSensor" | Định hướng được xác định bởi cảm biến định hướng thiết bị cho bất kỳ trong 4 định hướng. Điều này tương tự "sensor"ngoại trừ điều này cho phép bất kỳ trong 4 định hướng màn hình càng tốt, bất kể những gì các thiết bị thông thường sẽ làm (ví dụ, một số thiết bị này sẽ không thường sử dụng chân dung ngược lại hoặc đảo ngược cảnh quan, nhưng điều này cho phép những người). *Thêm vào mức API 9.* |
| " nosensor" | Định hướng được xác định mà không cần tham chiếu đến một cảm biến định hướng vật lý. Các cảm biến được bỏ qua, vì vậy màn hình sẽ không xoay vòng dựa trên cách người dùng di chuyển thiết bị. Ngoại trừ sự khác biệt này, hệ thống lựa chọn định hướng sử dụng chính sách tương tự như đối với " unspecified" thiết lập. |
| " user" | định hướng ưu tiên hiện tại của người dùng. |
| " fullUser" | Nếu người dùng đã bị khóa xoay cảm biến dựa trên, điều này cư xử giống như user, nếu không nó cư xử giống như fullSensorvà cho phép bất kỳ trong 4 định hướng màn hình càng tốt. *Thêm vào mức API 18.* |
| " locked" | Khóa định hướng để xoay hiện tại của mình, bất kể đó là. *Thêm vào mức API 18.* |

**Lưu ý:** Khi bạn khai báo một trong những cảnh quan hoặc chân dung giá trị, nó được coi là một yêu cầu khó khăn cho các định hướng, trong đó hoạt động chạy. Như vậy, giá trị bạn khai báo cho phép lọc bởi các dịch vụ như Google Play để ứng dụng của bạn chỉ dành cho các thiết bị có hỗ trợ định hướng theo yêu cầu của các hoạt động của bạn. Ví dụ, nếu bạn khai báo một trong hai "landscape", "reverseLandscape"hoặc "sensorLandscape", sau đó ứng dụng của bạn sẽ chỉ dành cho các thiết bị có hỗ trợ định hướng phong cảnh. Tuy nhiên, bạn cũng nên dứt khoát tuyên bố rằng ứng dụng của bạn yêu cầu một trong hai bức chân dung hoặc phong cảnh định hướng với các [<uses-feature>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/uses-feature-element.html&usg=ALkJrhhm_MoF_oXrMid7RN2_G6mcibB5tw)phần tử. Ví dụ, <uses-feature android:name="android.hardware.screen.portrait"/>. Đây hoàn toàn là một hành vi lọc được cung cấp bởi Google Play (và các dịch vụ khác có hỗ trợ nó) và nền tảng riêng của mình không kiểm soát cho dù ứng dụng của bạn có thể được cài đặt khi một thiết bị hỗ trợ định hướng nhất định.

android:showForAllUsers

Có hoặc không hoạt động được hiển thị khi người dùng hiện tại của thiết bị là khác nhau hơn so với người dùng đưa ra hoạt động này. Bạn có thể thiết lập thuộc tính này cho một giá trị gia tăng theo nghĩa đen "true"hay "false"-Hoặc bạn có thể thiết lập các thuộc tính cho một thuộc tính tài nguyên hoặc chủ đề có chứa một giá trị boolean.

Thuộc tính này đã được bổ sung ở mức API 23.

android:stateNotNeeded

Có hoặc không hoạt động có thể bị giết chết và thành công khởi động lại mà không cần phải lưu trạng thái của nó - " true" nếu nó có thể được khởi động lại mà không cần tham chiếu đến trạng thái trước đó, và " false" nếu trạng thái trước đó là bắt buộc. Giá trị mặc định là " false".

Thông thường, trước khi một hoạt động được tạm thời đóng cửa để tiết kiệm tài nguyên, nó [onSaveInstanceState()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onSaveInstanceState%28android.os.Bundle%29)phương pháp được gọi. Phương pháp này lưu trữ các trạng thái hiện tại của hoạt động này trong một [Bundle](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/os/Bundle.html&usg=ALkJrhgASZl4LZIusKVV01oOiPfQtjI9tA)đối tượng, sau đó được chuyển tới [onCreate()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/app/Activity.html&usg=ALkJrhityD4AYHMhpaDWN2eycmVbvGadeg#onCreate%28android.os.Bundle%29)khi hoạt động này được khởi động lại. Nếu thuộc tính này được đặt thành " true", onSaveInstanceState()có thể không được gọi và onCreate()sẽ được thông qua nullthay vì Bundle - chỉ vì nó là khi hoạt động bắt đầu cho lần đầu tiên.

A " true" thiết lập đảm bảo rằng hoạt động này có thể được khởi động lại trong sự vắng mặt của nhà nước giữ lại. Ví dụ, các hoạt động hiển thị màn hình chủ sử dụng cài đặt này để chắc chắn rằng nó không được loại bỏ nếu nó bị treo vì một lý do.

supportsPictureInPicture

Xác định xem các hoạt động hỗ trợ [Picture-in-Picture](https://developer.android.com/training/tv/playback/picture-in-picture.jd) hiển thị. Hệ thống bỏ qua thuộc tính này nếu [android:resizeableActivity](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#resizeableActivity)là sai.

Thuộc tính này đã được bổ sung ở mức API 24.

android:taskAffinity

Nhiệm vụ mà hoạt động này có ái lực với. Hoạt động với các mối quan hệ cùng một khái niệm thuộc về cùng một công việc (đến "ứng dụng" tương tự từ quan điểm của người dùng). Các mối quan hệ của một nhiệm vụ được xác định bởi mối quan hệ của hoạt động thư mục gốc của nó.

Các mối quan hệ xác định hai điều - nhiệm vụ mà hoạt động này được tái độ gốc để (xem [allowTaskReparenting](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#reparent)thuộc tính) và các nhiệm vụ đó sẽ là nơi hoạt động khi nó được tung ra với [FLAG\_ACTIVITY\_NEW\_TASK](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Intent.html&usg=ALkJrhg2moVN7mv0mf0_d-hQ-Oyqr_4bxQ#FLAG_ACTIVITY_NEW_TASK)cờ.

Theo mặc định, tất cả các hoạt động trong một ứng dụng có mối quan hệ như vậy. Bạn có thể thiết lập thuộc tính này để nhóm chúng lại khác nhau, và thậm chí đặt hoạt động được xác định trong các ứng dụng khác nhau trong cùng một công việc. Để xác định rằng hoạt động này không có ái lực đối với bất kỳ công việc, đặt nó là một chuỗi rỗng.

Nếu thuộc tính này không được thiết lập, hoạt động này được thừa hưởng các ái lực thiết lập cho ứng dụng (xem [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q)phần tử [taskAffinity](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q#aff)thuộc tính). Tên của mối quan hệ mặc định cho một ứng dụng là tên gói thiết lập bởi các [<manifest>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/manifest-element.html&usg=ALkJrhiuxAqx7wBUAwlboUopEFfXx4inLA)yếu tố.

android:theme

Một tham chiếu đến một nguồn tài nguyên phong cách xác định một chủ đề chung cho hoạt động này. Này sẽ tự động đặt bối cảnh của hoạt động để sử dụng theme (xem [setTheme()](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/reference/android/content/Context.html&usg=ALkJrhi1PKLSQzsPDvwVNkI8BLx2AN_GwQ#setTheme%28int%29), và cũng có thể gây ra "bắt đầu" hình ảnh động trước khi hoạt động được đưa ra (để phù hợp với những gì tốt hơn hoạt động này thực sự trông tương tự).

Nếu thuộc tính này không được thiết lập, hoạt động này được thừa hưởng bộ chủ đề cho các ứng dụng như một toàn thể - từ [<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q)của nguyên tố [theme](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q#theme)thuộc tính. Nếu thuộc tính mà cũng không được thiết lập, chủ đề hệ thống mặc định được sử dụng. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [Styles và chủ đề](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/ui/themes.html&usg=ALkJrhhMNZ609fQTYriwvv_m-EP4FOx1Iw) hướng dẫn phát triển.

android:uiOptions

tùy chọn bổ sung cho giao diện người dùng của một hoạt động.

Phải là một trong các giá trị sau.

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá trị** | **Sự miêu tả** |
| "none" | Không có tùy chọn giao diện người dùng thêm. Đây là mặc định. |
| "splitActionBarWhenNarrow" | Thêm một quán bar ở dưới cùng của màn hình để hiển thị các mục hành động trong *thanh ứng dụng* (còn được gọi là *thanh hành động* ), khi bị hạn chế về không gian ngang (chẳng hạn như khi ở chế độ dọc trên một chiếc điện thoại). Thay vì một số ít mặt hàng hành động xuất hiện trong thanh ứng dụng ở phía trên cùng của màn hình, thanh ứng dụng được chia thành phần điều hướng trên và thanh dưới cùng cho các hành động. Điều này đảm bảo một số tiền hợp lý của không gian được làm sẵn không chỉ cho các mục hành động, mà còn để điều hướng và tiêu đề các yếu tố ở đầu trang. Các mục menu không được chia trên hai thanh; họ luôn xuất hiện cùng nhau. |

Để biết thêm thông tin về thanh ứng dụng, xem [thêm App Bar](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/training/appbar/index.html&usg=ALkJrhh8KQgSOq_FgfPV7uUzPCFVfMsxWA) lớp đào tạo.

Thuộc tính này đã được bổ sung ở mức API 14.

android:windowSoftInputMode

Làm thế nào cửa sổ chính của hoạt động tương tác với cửa sổ chứa trên màn hình bàn phím mềm. Các thiết lập cho thuộc tính này ảnh hưởng đến hai điều:

* Tình trạng của bàn phím mềm mại - cho dù đó là ẩn hay nhìn thấy được - khi hoạt động này trở thành tâm điểm của sự chú ý người dùng.
* Việc điều chỉnh thực hiện để cửa sổ chính của hoạt động - cho dù đó là thay đổi kích cỡ nhỏ hơn để nhường chỗ cho bàn phím mềm hay nội dung của nó pan để làm trọng tâm hiện nay có thể nhìn thấy khi một phần của cửa sổ được bao phủ bởi các bàn phím mềm.

Thiết lập phải là một trong các giá trị được liệt kê trong bảng sau, hoặc một sự kết hợp của một " state..." giá trị cộng thêm một " adjust...giá trị". Đặt nhiều giá trị trong cả hai nhóm - nhiều " state..." giá trị, ví dụ - đã không xác định kết quả. Giá trị cá nhân được ngăn cách bởi một thanh dọc ( |). Ví dụ:

 <activity android: windowSoftInputMode = "stateVisible | adjustResize" . . . >

Giá trị đặt ở đây (ngoại trừ " stateUnspecified" và " adjustUnspecified") giá trị ghi đè thiết lập trong chủ đề.

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá trị** | **Sự miêu tả** |
| " stateUnspecified" | Tình trạng của bàn phím mềm (cho dù đó là ẩn hoặc hiện) không được xác định. Hệ thống sẽ chọn một trạng thái thích hợp hoặc dựa vào các thiết lập trong chủ đề.  Đây là thiết lập mặc định cho hành vi của các bàn phím mềm. |
| " stateUnchanged" | Bàn phím mềm được giữ trong bất cứ trạng thái đó là cuối cùng trong, cho dù có thể nhìn thấy hoặc ẩn, khi hoạt động đến mui. |
| " stateHidden" | Bàn phím mềm được ẩn khi người dùng chọn hoạt động - có nghĩa là, khi người dùng nhaát điều hướng về phía trước để hoạt động, chứ không phải lưng vào nó bởi vì việc rời khỏi hoạt động khác. |
| " stateAlwaysHidden" | Bàn phím mềm luôn ẩn khi cửa sổ chính của hoạt động có trọng tâm đầu vào. |
| " stateVisible" | Bàn phím mềm là có thể nhìn thấy khi đó là bình thường thích hợp (khi người dùng điều hướng về phía trước để cửa sổ chính của hoạt động). |
| " stateAlwaysVisible" | Bàn phím mềm có được hiển thị khi người dùng chọn hoạt động - có nghĩa là, khi người dùng nhaát điều hướng về phía trước để hoạt động, chứ không phải lưng vào nó bởi vì việc rời khỏi hoạt động khác. |
| " adjustUnspecified" | Đó là không xác định cho dù cửa sổ chính của hoạt động thay đổi kích thước để nhường chỗ cho bàn phím mềm, hay các nội dung của chảo cửa sổ để làm trọng tâm hiện nay có thể nhìn thấy trên màn hình. Hệ thống sẽ tự động lựa chọn một trong các chế độ này tùy thuộc vào việc các nội dung của cửa sổ có bất kỳ quan điểm bố trí đó có thể di chuyển nội dung của họ. Nếu có một cái nhìn như vậy, cửa sổ sẽ được thay đổi kích cỡ, trên giả định rằng di chuyển có thể làm cho tất cả các nội dung của cửa sổ có thể nhìn thấy trong một khu vực nhỏ hơn.  Đây là thiết lập mặc định cho hành vi của cửa sổ chính. |
| " adjustResize" | cửa sổ chính của hoạt động luôn thay đổi kích cỡ để nhường chỗ cho bàn phím mềm trên màn hình. |
| " adjustPan" | cửa sổ chính của hoạt động không được thay đổi kích cỡ để nhường chỗ cho bàn phím mềm. Thay vào đó, các nội dung của cửa sổ sẽ được tự động gay gắt do đó trọng tâm hiện nay là không bao giờ bị che khuất bởi các bàn phím và người sử dụng luôn có thể nhìn thấy những gì họ đang gõ. Điều này thường là kém hấp dẫn hơn so với thay đổi kích thước, vì người dùng có thể cần phải đóng bàn phím mềm để có được tại và tương tác với các bộ phận che khuất của cửa sổ. |

Thuộc tính này đã được giới thiệu trong API Level 3.

giới thiệu vào năm:

API Level 1 cho tất cả các thuộc tính trừ [noHistory](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#nohist)và [windowSoftInputMode](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-element.html&usg=ALkJrhjKCpROoezfGXoPOm7Vo_Mq_-maxg#wsoft), được bổ sung trong API Level 3.

Xem thêm:

[<application>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/application-element.html&usg=ALkJrhjpyjJKyUh_QlFUt4wt8N9tEI1C6Q)   
[<activity-alias>](https://translate.googleusercontent.com/translate_c?depth=1&hl=vi&ie=UTF8&prev=_t&rurl=translate.google.com.vn&sl=auto&sp=nmt4&tl=vi&u=https://developer.android.com/guide/topics/manifest/activity-alias-element.html&usg=ALkJrhgS8IfZwwSbjxSSH2GW4VZugYV5CA)